

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/DS-ST

Ngày: 05 - 6 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T L, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh.
2. Ông Phan Thanh Dũng.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2025/QĐXXST-DS ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị X**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số 325 Quốc lộ 1A, ấp AT, xã AH, huyện CT, tỉnh ST.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm 1979.

Đăng ký HKTT: số 186 Quốc lộ 1A, ấp AT, xã AH, huyện CT, tỉnh ST.

Chỗ ở: ấp TH B, xã T T, huyện T L, thành phố CT.

(Tất cả có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau: Nguyên trước đây, bà Lê Thị Kim H có làm chủ hội, bà có tham gia chơi hội từ năm 2020 đến đầu năm 2024, các đây hội như sau:

- Dây thứ nhất: 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 15/7/2022, gồm 20 thành viên, bà vô 02 chân, bà hốt chót, đến ngày 25/3/2024 bà H giao đủ số tiền 37.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10/3/2023, gồm 16 thành viên, bà vô 02 chân và đóng được 12 lần số tiền 24.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 20/5/2023, gồm 20 thành viên, bà vô 02 chân và đóng được 09 lần số tiền 18.000.000 đồng.

Như vậy, khi tuyên bố ngưng khai hội, bà H còn nợ lại bà số tiền hội là 24.000.000 đồng + 18.000.000 đồng = 42.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải của Công an xã AH, huyện CT, tỉnh CT bà H có trả cho bà được 37.000.000 đồng của dây hội thứ nhất nên bà đã tự nguyện giảm cho bà H số tiền 9.000.000 đồng, như vậy bà H còn nợ lại bà số tiền của dây hội thứ hai và thứ ba là 33.000.000 đồng. Sau đó, hai bên thỏa thuận và Công an xã AH lập biên bản mỗi tháng bà H trả cho bà số tiền 2.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 30/4/2024 đến 30/7/2025, tháng cuối trả 3.000.000 đồng là dứt nợ.

Sau đó, bà H trả cho bà được 07 lần với số tiền 14.000.000 đồng, đến tháng 11/2024 thì bà H ngưng trả. Như vậy, bà H còn nợ bà số tiền như sau: 33.000.000 đồng – 14.000.000 đồng = 19.000.000 đồng.

Do bà H không thực hiện đúng theo cam kết trả nợ hàng tháng. Nay bà yêu cầu bà H trả lại số tiền nợ hội là 19.000.000 đồng + 9.000.000 đồng = 28.000.000 đồng và yêu cầu bà H phải trả một lần.

- *Bị đơn trình bày:* Trước đây bà có làm chủ hội, bà Lâm Thị X có tham gia chơi hội, sau khi bế hội thì bà có trả cho bà X số tiền của dây hội thứ nhất là 37.000.000 đồng. Số tiền nợ lại của dây hội thứ 2 và thứ 3 là 42.000.000 đồng. Tại Công an xã AH thì bà X đã bớt cho bà 9.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà X 33.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/4/2024, mỗi tháng bà đến và giao cho cán bộ Công an xã AH để giao lại cho bà X được 07 lần tổng số tiền là 14.000.000 đồng.

Bà X yêu cầu bà phải trả 28.000.000 đồng là không đúng, vì tại Biên bản thỏa thuận ngày 25/3/2024 giữa bà với bà X tại Công an xã AH, huyện CT, tỉnh CT thì bà chỉ trả cho bà X số tiền 33.000.000 đồng và bà đã trả được 14.000.000 đồng.

Như vậy, hiện tại bà chỉ còn nợ lại bà X số tiền 33.000.000 đồng – 14.000.000 đồng = 19.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà X số tiền này và trả hàng tháng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trước đó bà Lâm Thị X có tham gia chơi hội do bà Lê Thị Kim H làm chủ, tại biên bản thỏa thuận ngày 25/3/2024 thì bà H còn nợ của bà X số tiền 33.000.000 đồng, bà H cam kết hàng tháng sẽ trả cho bà X 2.000.000 đồng

đến khi hết nợ. Bà H đã trả được cho bà X 07 lần với số tiền 14.000.000 đồng. Như vậy, bà H chỉ còn nợ lại bà X số tiền 19.000.000 đồng. Nay bà X yêu cầu bà H trả số tiền 19.000.000 đồng và 9.000.000 đồng mà bà đã bớt cho bà H trước đó. Xét thấy, bà X yêu cầu trả số tiền 9.000.000 đồng mà bà đã bớt cho bà H trước đó là không hợp lý, bởi vì đây là sự tự nguyện của bà X, giữa hai bên không có thỏa thuận nào nếu bà H hàng tháng không trả thì bà X được quyền đòi lại số tiền đã cho bà H trước đó. Vì vậy, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X, buộc bà H phải trả cho bà X số tiền 19.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị X yêu cầu bà Lê Thị Kim H trả số tiền nợ hui. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; bị đơn cư trú tại xã T T, huyện T L thuộc địa giới hành chính huyện T L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữa bà Lâm Thị X và bà Lê Thị Kim H có giao kết hợp đồng góp hui, bà H là chủ hui. Sau đó, bà H thông báo đã bẻ hui, bà H cũng đã trả được cho bà X một số tiền, bà X thấy bà H có thiện chí trả nợ nên bà X giảm cho bà H 9.000.000 đồng, hai bên tổng kết lại thì bà H còn nợ lại số tiền 33.000.000 đồng.

Tại biên bản thỏa thuận ngày 25/3/2024 của Công an xã AH, huyện CT, tỉnh CT bà H còn nợ lại 33.000.000 đồng và cam kết hàng tháng trả 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Sau đó, bà H trả được 07 lần với số tiền 14.000.000 đồng, đến tháng 11/2024 thì bà H ngưng trả. Như vậy, bà H còn nợ bà X số tiền 19.000.000 đồng. Bà X thấy bà H không tiếp tục trả nên khởi kiện yêu cầu trả số tiền 19.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu trả 9.000.000 đồng đã giảm.

Xét thấy, việc bà H còn nợ tiền hui của bà X được hai bên thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 25/3/2024 tại Công an xã AH, huyện CT, tỉnh CT. Bà H chỉ còn nợ bà X số tiền 33.000.000 đồng, bà H đã trả được 14.000.000 đồng. Như vậy, bà H chỉ còn nợ bà X 19.000.000 đồng, do đó cần buộc bà H phải trả cho bà X số tiền này.

Đối với yêu cầu của bà X buộc bà H phải trả số tiền 9.000.000 đồng, bà X đã tự nguyện cho bà H. Mặt khác, hai bên không có thỏa thuận nào nếu bà H hàng tháng không trả thì bà X được đòi lại số tiền này. Vì vậy, yêu cầu này của bà X không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn trên 60 tuổi nên được miễn án phí.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X.

2. Buộc bà Lê Thị Kim H phải trả số tiền nợ hui là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí DSST: Bà Lâm Thị X được miễn. Bà Lê Thị Kim H phải chịu 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. T L;
- Chi cục THADS H. T L;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn Kiệt

